

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 01- 2022
V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Cung

2. Ông Lê Minh Chiêu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 161/2021/TLST - HNGĐ ngày 04/10/2021 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Thanh P, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Nơi ĐKKH: Thôn A, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Hiện đang tạm trú tại: Xóm S, thôn B, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Trịnh Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 03 năm. Đăng ký kết hôn ngày 11/02/2015 tại UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm. Đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T làm mất lòng tin ở anh, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không được mặn mà như trước nữa, vợ chồng không còn tiếng

nói chung. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình phân tích khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không thể hòa hợp được. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 05/01/2020 đến nay. Từ khi sống ly thân hai bên không quan T gì đến nhau. Anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trịnh Anh K, sinh ngày 07/8/2015 và cháu Trịnh Gia M, sinh ngày 09/10/2017. Hiện nay, các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi 02 con. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về K sản và nợ chung: Vợ chồng không có K sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2021, chị Trịnh Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế, trong sinh hoạt. Mặt khác anh P mãi chơi, không chịu khó làm ăn dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn, tình cảm vợ chồng ngày càng thờ ơ lạnh nhạt, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ gia đình không có, anh P làm đơn yêu cầu ly hôn thì, chị T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Anh K, sinh ngày 07/8/2015 và cháu Trịnh Gia M, sinh ngày 09/10/2017. Hiện nay, các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với anh P. Vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị đề nghị Tòa án giao cho chị và anh P mỗi người nuôi một con chung. Chị xin được nuôi cháu Trịnh Gia M. Điều kiện nuôi con của chị hiện nay đảm bảo, chị làm ăn kinh doanh buôn bán, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10 đến 15 triệu đồng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về K sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có mua sắm được một số K sản là đồ vật, vật dụng sinh hoạt cho gia đình, nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh P có mặt, anh đề nghị được ly hôn, về con chung anh muốn nuôi hai con, nếu chị P có mặt chị muốn nuôi hai con anh cũng đồng ý, anh không muốn tách hai con. Chị T xin vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 72 BLTTDS. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Điều 228 Bộ luật TTDS. Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX giải quyết: Về Hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Thanh P được ly hôn chị Trịnh Thị T. Về con chung: Giao cháu Trịnh Anh K cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Gia M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì quyền lợi của con hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các K liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa anh P và chị T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về sự vắng mặt của các đương sự:*

Chị T có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh P và chị T sống ly thân hơn 02 năm nay, không ai quan T đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh P xin ly hôn, về phía chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng

không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Anh P và chị T có 02 con chung là Trịnh Anh K, sinh ngày 07/8/2015 và cháu Trịnh Gia M, sinh ngày 09/10/2017. Nguyên vọng của anh P và chị T đều xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin nuôi con của anh P và chị T chính đáng, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng phải xem xét đến nhiều yếu tố, miễn sao đảm bảo cho con trẻ có được cuộc sống ổn định, có điều kiện để con trẻ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như T sinh lý trẻ thơ. Xét điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: Anh P và chị T đều có công ăn việc làm và có thu nhập. Hiện tại cháu K và cháu M đang ở với anh P đã có cuộc sống ổn định. Từ khi ly thân, chị T không mang con theo, phó mặc cho anh P nuôi dưỡng hơn hai năm nay không về nhà thăm con, cũng không đóng góp tiền để anh P nuôi con. Mặt khác chị T muốn nuôi con nhưng cũng không về để nhận và chăm sóc con. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con, tránh xáo trộn về T lý con trẻ nên giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu là phù hợp. Sau này chị T về nếu muốn nuôi con thì làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- *Về K sản và công nợ chung*: Anh P và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh P khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*:

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh Trịnh Thanh P được ly hôn chị Trịnh Thị T.

Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung. Giao cháu Trịnh Anh K, sinh ngày 07/8/2015 và cháu Trịnh Gia M, sinh ngày 09/10/2017 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh P không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về K sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Trịnh Thanh P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà anh P đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003257 ngày 04/10/2021. Chấp nhận anh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho anh P trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với chị T vắng mặt, thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng